TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T1** **TỈNH T2**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2024/HS-ST
Ngày 29/10/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mã Siêu.

Bà Đặng Thị Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 tham gia phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1 tỉnh T2, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXXST-HS ngày 15/10/2024, đối với các bị cáo:

1. Lê Tiến D1, sinh ngày 06/2/2002, tại huyện TT, tỉnh T2; nơi cư trú: Tổ dân phố số x, thị trấn D, huyện TT, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân H và bà Nguyễn Thị D; bị cáo có vợ là Hà Thị Y và có 1 con, sinh năm 2023; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Từ năm 2020 đến năm 2022 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Lữ đoàn 603, Quân khu 3; bị tạm giữ từ ngày 26/6/2024 đến ngày 02/7/2024 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T1; bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Minh T3, sinh ngày 26/10/1990, tại huyện TT, tỉnh T2; nơi cư trú: Tổ dân phố số x, thị trấn D, huyện TT, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Lê Minh T và bà Lê Thị H; bị cáo có vợ là Tạ Thị Thùy L (đã ly hôn) và có 1 con, sinh năm 2020; tiền sự: 01 (Ngày 07/6/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 16 nhưng bị cáo chưa thi hành); tiền án: 01 (Ngày 04/3/2021 bị Tòa án nhân dân huyện TT xử phạt 1 năm 9 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án số 16, đến ngày 14/7/2022 bị cáo đã chấp hành xong bản án, chưa được xóa án tích); nhân thân: Tháng 3/2010 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Sư đoàn 395, Quân khu 3 đến tháng 8/2011 xuất ngũ về địa phương. Ngày 02/5/2019 bị Công an huyện TT phạt tiền 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 64, đến ngày 03/5/2019, đã chấp hành xong); bị tạm giữ từ ngày 25/6/2024 đến ngày 01/7/2024 chuyển tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T1; bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Minh T, sinh năm 1965, trú tại Tổ dân phố số x; anh Nguyễn Tiến H1, sinh năm 1985, trú tại Tổ dân phố y, đều thuộc thị trấn D, huyện TT, tỉnh T2 (đều có mặt).

- Người làm chứng: Anh Đỗ Văn Th, sinh năm 1985, trú tại Tổ dân phố NS, thị trấn T1; anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1990, trú tại thôn VN, xã NH, đều thuộc huyện T1, tỉnh T2 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ ngày 25/6/2024, Lê Tiến D1 đi nhờ xe của người không quen biết đến đoạn đường khu vực gần Ủy ban nhân dân xã TS, huyện TT, tỉnh T2 mục đích tìm mua ma túy. Tại đây D1 gặp một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ, nghi ngờ người này có ma túy bán, D1 hỏi mua 300.000đồng tiền ma túy loại Methamphetamine, người đàn ông này đồng ý nhận tiền rồi đưa lại cho D1 01 túi nilon trong suốt có kẻ viền màu đỏ có chứa ma túy loại Methamphetamine. D1 nhận túi ma túy cất giấu vào sau ốp điện thoại của D1 rồi đi về. Khi về đến nhà, D1 vào nhà vệ sinh, lấy một ít ma túy trong túi nilon sử dụng, số ma túy còn lại D1 vẫn để trong túi nilon và cất vào sau ốp điện thoại của D1, mục đích để bán kiếm lời.

Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, do có nhu cầu sử dụng ma túy, Lê Minh T3 gọi điện thoại cho D1 hỏi mua 01 túi ma túy loại Methamphetamine. D1 đồng ý báo giá 390.000 đồng/túi và hẹn T3 giao dịch tại khu vực cống thủy nông D thuộc thị trấn D, huyện TT, tỉnh T2. T3 xin số tài khoản của D1 rồi chuyển khoản cho D1 390.000 đồng từ tài khoản ngân hàng MB Bank của T3 đến tài khoản ngân hàng MB Bank của D1. Sau khi nhận tiền, D1 cầm theo túi ma túy đi ra điểm hẹn. Đến nơi D1 đưa túi ma túy cho T3. T3 nhận túi ma túy và cất giấu vào trong túi của chiếc mũ lưỡi trai của T3. Sau đó T3 tiếp tục điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát x- y đi đến

khu vực đê giáp ranh giữa thị trấn D, huyện TT với xã TN, huyện TT để tìm mua ma túy. Tại đây T3 gặp và mua của một người đàn ông T3 không biết tên, tuổi, địa chỉ 0,0535 gam ma túy loại Heroin được gói bằng mảnh giấy in chữ màu đen đựng trong 01 túi nilon trong suốt có in chữ màu xanh với giá 200.000 đồng rồi cất giấu vào túi quần bên phải phía trước T3 đang mặc rồi đi sang bãi biển CV thuộc huyện T1, tỉnh T2 tìm nơi sử dụng. Khi T3 đi đến khu vực ngã tư TD thuộc tổ dân phố NS, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2 thì bị Công an huyện T1 phát hiện, yêu cầu làm việc. Quá trình làm việc T3 đã tự giác giao nộp 01 túi nilon trong suốt có kẻ viền màu đỏ, bên trong chứa chất tinh thể trong suốt và 01 túi nilon trong suốt có in chữ màu xanh, bên trong có 01 gói được gói bằng mảnh giấy in chữ màu đen, trong cùng chứa chất bột dạng cục màu trắng. T3 khai nhận đây là ma túy T3 vừa mua với mục đích để sử dụng cho bản thân. Công an huyện T1 đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ và biên bản niêm phong đối với số ma túy trên. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn T3, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 không phát hiện thu giữ gì thêm.

Đến ngày 26/6/2024, Lê Tiến D1 đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 để đầu thú. Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của D1, kết quả không phát hiện thu giữ gì.

Tại Bản Kết luận giám định số 989/KL-KTHS ngày 29/6/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2, kết luận: Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi giám định là ma túy loại Heroin có khối lượng 0,0535 gam. Mẫu chất tinh thể trong suốt gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,2025 gam.

Tại Cáo trạng số 101/CT-VKSTH ngày 07/10/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố Lê Tiến D1 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Khoản 1 Điều 251; truy tố Lê Minh T3 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố:

- Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Kiểm sát viên đề nghị: Tuyên bố bị cáo Lê Tiến D1 phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*; xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng đến 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù giam. Phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo từ 05 triệu đồng đến 07 triệu đồng.

- Căn cứ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Kiểm sát viên đề nghị: Tuyên bố bị cáo Lê Minh T3 phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*; xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1 cũng đề nghị xử lý về vật chứng, án phí.

Các bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê Minh T3 đều khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày 25/6/2024 tại đoạn đường khu vực ngã tư TD thuộc tổ dân phố NS, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2, Công an huyện T1 phát hiện, bắt quả tang Lê Minh T3 đang tàng trữ trái phép 0,0535 gam ma túy loại Heroin và 0,2025 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng cho bản thân. Quá trình điều tra cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm đã xác định Lê Tiến D1 là người đã bán 0,2025 gam ma túy loại Methamphetamine cho Lê Minh T3 với giá 390.000 đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Tiến D1, Lê Minh T3 phù hợp và được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tiếp nhận người phạm rội ra đầu thú; Các Biên bản khám xét chỗ ở; Biên bản tạm giữ, đồ vật tài liệu và biên bản niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ; Bản kết luận giám định số 989/KL-KTHS ngày 29/6/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2; Công văn số 229 ngày 04/9/2024 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội kèm sao kê tài khoản ngân hàng của Lê Tiến D1 và Lê Minh T3; Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Như vậy, bị cáo Lê Minh T3 là người đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 02 gói ma túy, trong đó có 0,0535 gam ma túy loại Heroin và 0,2025 gam ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng là 0,2560 gam. Đây là số ma túy bị cáo Lê Minh T3 mua của 02 người, trong đó mua của Lê Tiến D1 0,2025 gam ma túy loại Methamphetamine mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo Lê Minh T3 đã cấu thành tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại Điều

249 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Lê Tiến D1 đã cấu thành tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố bị cáo Lê Tiến D1 về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Lê Minh T3 về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 251 Tội Mua bán trái phép chất ma túy:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Điều 249 Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

……..

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

……..

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.

……..

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

[4.1] Các bị cáo Lê Minh T3, Lê Tiến D1 là người sử dụng ma túy, biết tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người, đồng thời là nguyên nhân gây ra nhiều tệ nạn khác cho xã hội. Bị cáo T3 tiền án, tiền sự về ma tuý, có nhân thân về hành vi trộm cắp tài sản bị xử lý hành chính. Tuy nhiên, các bị cáo không lấy đó làm bài học, không chịu tu dưỡng rèn luyện, vẫn sử dụng ma túy, mua bán, tàng trữ ma túy mục đích để kiếm lời và sử dụng cho bản thân. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm chế độ

quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an, hành vi này gây nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý. Cần áp dụng hình phạt tù giam đối với các bị cáo để giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện. Bị cáo Lê Minh T3 là người nghiện ma túy, mua ma túy để sử dụng cho bản thân, không có công ăn việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo Lê Tiến D1 bán ma tuý mục đích kiếm lời nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4.2] Hội đồng xét xử cũng xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo T3, D1 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo D1 đầu thú; các bị cáo D1, T3 có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo D1 không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Minh T3 đang có tiền án, tiền sự về ma tuý nên bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là Tái phạm.

[5] Trong vụ án này: Ngoài việc mua ma tuý của bị cáo Lê Tiến D1, bị cáo Lê Minh T3 còn mua ma tuý của một người khác 0,0535 gam ma túy loại Heroin, quá trình điều tra T3 khai mua của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ tại khu vực đê giáp ranh giữa thị trấn D, huyện TT với xã TN, huyện TT, tỉnh T2, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã xác minh nhưng không xác định được người bán ma túy cho T3 nên không có căn cứ để xử lý. Đối với người bán ma tuý cho bị cáo D1, D1 khai mua của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ ở khu vực gần UBND xã TS, huyện TT, tỉnh T2, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã xác minh nhưng không xác định được người bán ma túy cho D1 nên không có căn cứ để xử lý.

[6] Về vật chứng của vụ án:

[6.1] Đối với 01 phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 989/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2 bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu tiêu hủy; 01 mũ lưỡi trai màu xanh đã qua sử dụng của T3 xác định không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[6.2] Đối với 01 xe mô tô Biển kiểm soát x- y nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu trắng xác định là của ông Lê Minh T, sinh năm 1965, trú tại tổ dân phố số x, thị trấn D, huyện TT mua của anh Nguyễn Tiến H2, sinh năm 1985, trú tại tổ dân phố y, thị trấn D, huyện TT, tỉnh T2, ông T là bố đẻ của Lê Minh T3, T3 hỏi mượn xe của ông T, ông T không biết mục đích T3 sử dụng xe để đi mua ma tuý, ông T có đề

nghị xin lại chiếc xe trên để đi lại, xét thấy đây là đề nghị chính đáng của ông T, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.3] Đối với 01 điện thoại di động Realme màu xanh thu giữ của bị cáo T3; 01 điện thoại di động Iphone 6s màu xám thu giữ của của bị cáo D1, xác định là công cụ, phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung quỹ. Đối với số tiền 390.000 đồng bị cáo T3 mua ma tuý của bị cáo D1, T3 đã chuyển khoản, D1 đã nhận được số tiền trên, xác định là tiền do phạm tội mà có, cần truy thu sung quỹ.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Lê Tiến D1 phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*.

Bị cáo Lê Minh T3 phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

2. Xử phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Tiến D1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2024. Phạt bổ sung 05 triệu đồng (năm triệu đồng) đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Minh T3 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 989/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2 bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 mũ lưỡi trai màu xanh đã qua sử dụng của T3 xác định không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động Realme màu xanh thu giữ của bị cáo Lê Minh T3; 01 điện thoại di động Iphone 6s màu xám thu giữ của của bị cáo Lê Tiến D1.

Truy thu sung quỹ số tiền 390.000 đồng của bị cáo Lê Tiến D1.

Trả lại ông Lê Minh T, sinh năm 1965, trú tại tổ dân phố số x, thị trấn D, huyện TT, tỉnh T2 01 xe mô tô Biển kiểm soát x- y nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu trắng.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/10/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T1, tỉnh T2).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Lê Tiến D1, Lê Minh T3, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 29/10/2024; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về vấn đề liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 29/10/2024./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh T2;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T2;
- Sở Tư pháp tỉnh T2;
- VKSND huyện T1;
- CA; Nhà tạm giữ CA huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền